

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐHDL DUY TÂN

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI KTHP * KHOÁ K16KTR
MÔN : ĐỒ ÁN CƠ SỞ 1 * SỐ TÍN CHỈ : 02

M? MÔN : ARC - 245 Học kỳ : 3
Lần thi : 1

Thời gian :h..... -/..../2011

STT	M? SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TR?NH HỌC TẬP & KTHP										ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
				15%	0%	30%	0%	0%	0%	0%	0%	55%				
1	162233434	LÊ QU?	ÂN	K16KTR1	6		6						6	6.0	Sáu	
2	162233437	NGUYỄN CÔNG	ANH	K16KTR1	9		9						7.5	8.2	Tám phẩy Hai	
3	162233452	PHAN PHƯỚC	CHUNG	K16KTR1	7		7						6.5	6.7	Sáu phẩy Bảy	
4	162233467	THÁI VIỆT	DUY	K16KTR1	9		8						7.5	7.9	Bảy phẩy Chín	
5	162233471	PHẠM XUÂN	HÀ	K16KTR1	9		8						7	7.6	Bảy phẩy Sáu	
6	162233473	TRƯƠNG VIỆT MINH	HẢI	K16KTR1	8		8						7.5	7.7	Bảy phẩy Bảy	
7	162233479	NGUYỄN THỊ THUÝ	HÀNG	K16KTR1	10		8						5.5	6.9	Sáu phẩy Chín	
8	162233483	NGUYỄN	HẬU	K16KTR1	6		6						6	6.0	Sáu	
9	162233486	ĐẶNG QUANG	ĐIỆP	K16KTR1	9		8						6	7.1	Bảy phẩy Một	
10	162233487	LÊ TRUNG	HIẾU	K16KTR1	5		4						5	4.7	Bốn phẩy Bảy	
11	162233489	PHẠM NGỌC	HIẾU	K16KTR1	9		9						8	8.5	Tám phẩy Năm	
12	162233494	LÊ NGỌC	HOÀNG	K16KTR1	8		7						5.5	6.3	Sáu phẩy Ba	
13	162233496	THÁI BẢO	HOÀNG	K16KTR1	6		6						5	5.5	Năm phẩy Năm	
14	162233502	LÊ QUANG	HÙNG	K16KTR1	9		8						6	7.1	Bảy phẩy Một	
15	162233510	PHẠM NGUYỄN CÔNG	HUY	K16KTR1	6		4						4	4.3	Bốn phẩy Ba	
16	162233520	LÊ ĐỨC	LÂM	K16KTR1	9		8						6	7.1	Bảy phẩy Một	
17	162233523	LÊ THỊ THUỶ	LIÊN	K16KTR1	9		9						7	7.9	Bảy phẩy Chín	
18	162233530	TRẦN HOÀNG	LUÂN	K16KTR1	9		6						4.5	5.6	Năm phẩy Sáu	
19	162233534	HỒ THỊ DIỄM	MI	K16KTR1	8		6						5.5	6.0	Sáu	
20	162233537	PHẠM HỒNG	MINH	K16KTR1	9		9						8	8.5	Tám phẩy Năm	
21	162233546	NGUYỄN PHƯỚC	NGHĨA	K16KTR1	9		8						6.5	7.3	Bảy phẩy Ba	
22	162233551	LÊ HOÀNG QUỐC	NGŨ	K16KTR1	9		7						5.5	6.5	Sáu phẩy Năm	
23	162233554	LÊ THỊ	NHÀN	K16KTR1	10		8						6	7.2	Bảy phẩy Hai	
24	162233558	NGUYỄN TRƯƠNG	PHÚ	K16KTR1	7		7						6	6.5	Sáu phẩy Năm	
25	162233563	PHẠM	PHƯƠNG	K16KTR1	8		8						8	8.0	Tám	
26	162233564	BÙI THỊ LAN	PHƯƠNG	K16KTR1	8		8.5						6.7	7.4	Bảy phẩy Bốn	
27	162233569	LÊ ĐỨC	QUỐC	K16KTR1	8		7.5						5.5	6.5	Sáu phẩy Năm	
28	162233572	TRẦN Đ?NH	QUYẾT	K16KTR1	8		8.5						8	8.2	Tám phẩy Hai	
29	162233575	CAO THIÊN	SƠN	K16KTR1	7.5		7.5						6	6.7	Sáu phẩy Bảy	
30	162233576	LỘ THANH	TÂM	K16KTR1	7.5		7.5						6.7	7.1	Bảy phẩy Một	
31	162233585	HOÀNG MINH	THANH	K16KTR1	8		8						8	8.0	Tám	
32	162233593	TRẦN THỊ THANH	THẢO	K16KTR1	8		8						7.9	7.9	Bảy phẩy Chín	
33	162233596	NGUYỄN VĂN	THỊNH	K16KTR1	6		6.5						5.5	5.9	Năm phẩy Chín	
34	162233612	NGUYỄN HỮU	TIẾP	K16KTR1	6		6						5.5	5.7	Năm phẩy Bảy	

STT	M? SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TR?NH HỌC TẬP & KTHP										ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
				15%	0%	30%	0%	0%	0%	0%	0%	55%				
35	162233616	NGUYỄN NHO	TOÀN	K16KTR1	7.5		7.5						6.8	7.1	Bảy phẩy Một	
36	162233618	HUỲNH MINH	TOÀN	K16KTR1	7		8						6.7	7.1	Bảy phẩy Một	
37	162233626	HÀ XUÂN	TRUNG	K16KTR1	8		8.5						7.9	8.1	Tám phẩy Một	
38	162233633	TRẦN DUY	TÙNG	K16KTR1	8		8.5						7	7.6	Bảy phẩy Sáu	
39	162233638	PHẠM BÁ	VINH	K16KTR1	8		8						7.5	7.7	Bảy phẩy Bảy	
40	162233642	NGUYỄN THẾ	VŨ	K16KTR1	7		7.5						5	6.1	Sáu phẩy Một	
41	162236505	ĐẶNG QUỐC	HUY	K16KTR1	7.5		7						5	6.0	Sáu	
42	162236638	TRẦN VĂN	BẢO	K16KTR1	7		7						6.8	6.9	Sáu phẩy Chín	
43	162236640	ĐẶNG QUANG	LUẬN	K16KTR1	8		8						6.5	7.2	Bảy phẩy Hai	
44	162236643	TRẦN THANH	TỊNH	K16KTR1	8		8						7	7.5	Bảy phẩy Năm	
45	162237656	NGUYỄN VIỆT	CƯỜNG	K16KTR1	6		6						5	5.5	Năm phẩy Năm	
46	142234838	NGUYỄN TRUNG	TÍN	K16KTR2	3		2						V	0.0	Không	
47	152232933	HỒ THANH	TUẤN	K16KTR2	9		6.5						6.5	6.9	Sáu phẩy Chín	
48	152232960	NGUYỄN MINH	HOÀNG	K16KTR2	6		6						7	6.6	Sáu phẩy Sáu	
49	162233442	NGUYỄN LÊ DUY	BẢO	K16KTR2	9		6						5.5	6.2	Sáu phẩy Hai	
50	162233445	NGUYỄN VIỆT	BIÊN	K16KTR2	3		3						3	0.0	Không	
51	162233449	TRẦN THỊ	CHI	K16KTR2	9		6.5						7	7.2	Bảy phẩy Hai	
52	162233461	NGUYỄN VĂN	ĐẠT	K16KTR2	9		6						7	7.0	Bảy	
53	162233464	V? VI ẾT	ĐỨC	K16KTR2	8		7						6.5	6.9	Sáu phẩy Chín	
54	162233468	LÊ NGUYỄN HẠNH	DUYÊN	K16KTR2	10		8						8	8.3	Tám phẩy Ba	
55	162233477	NGUYỄN NHẬT	HÂN	K16KTR2	8		4						6	5.7	Năm phẩy Bảy	
56	162233480	ĐINH PHƯƠNG HỒNG	HẠNH	K16KTR2	9		6.5						7.5	7.4	Bảy phẩy Bốn	
57	162233481	TRẦN LÝ QUANG	HÀO	K16KTR2	9		6						7	7.0	Bảy	
58	162233484	NGUYỄN	HIỀN	K16KTR2	7		6						7	6.7	Sáu phẩy Bảy	
59	162233497	LÊ BÁ NHẬT	HOÀNG	K16KTR2	7		7						8	7.6	Bảy phẩy Sáu	
60	162233499	NGUYỄN DUY	HỢP	K16KTR2	8		6						4.5	5.5	Năm phẩy Năm	
61	162233504	NGUYỄN QUANG	HÙNG	K16KTR2	8		6						6.5	6.6	Sáu phẩy Sáu	
62	162233511	ĐINH QUỐC	HUY	K16KTR2	9		6.5						6	6.6	Sáu phẩy Sáu	
63	162233521	NGUYỄN THANH	LÂM	K16KTR2	7		5.5						5	5.5	Năm phẩy Năm	
64	162233528	TRẦN	LỢI	K16KTR2	9		7						8	7.9	Bảy phẩy Chín	
65	162233535	ĐOÀN QUANG	MINH	K16KTR2	9		6.5						7.5	7.4	Bảy phẩy Bốn	
66	162233540	HẠ THỊ THANH	MỸ	K16KTR2	8		6						4.5	5.5	Năm phẩy Năm	
67	162233543	LÊ Đ?NH	NAM	K16KTR2	9		6.5						6	6.6	Sáu phẩy Sáu	
68	162233547	TRƯỜNG CÔNG	NGỌ	K16KTR2	8		6						6.5	6.6	Sáu phẩy Sáu	
69	162233555	TRẦN THỊ MỸ	NHI	K16KTR2	8		6						4.5	5.5	Năm phẩy Năm	

STT	M? SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TR?NH HỌC TẬP & KTHP										ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
				15%	0%	30%	0%	0%	0%	0%	0%	55%				
70	162233559	NGUYỄN DUY PHÚC	K16KTR2	9		7						7	7.3	Bảy phẩy Ba		
71	162233562	TRƯỜNG THỊ THUỶ PHƯƠNG	K16KTR2	8		5						5	5.5	Năm phẩy Năm		
72	162233570	LÊ PHƯỚC QUỐC	K16KTR2	7		6						6	6.2	Sáu phẩy Hai		
73	162233573	TRẦN HẠ SAN	K16KTR2	7		5						5	5.3	Năm phẩy Ba		
74	162233577	ĐẶNG VĂN TÂN	K16KTR2	8		7						7	7.2	Bảy phẩy Hai		
75	162233579	NGUYỄN VĂN TÂY	K16KTR2	7		6						6	6.2	Sáu phẩy Hai		
76	162233590	NGUYỄN QUANG THÀNH	K16KTR2	7		5						5	5.3	Năm phẩy Ba		
77	162233591	HÀ CÔNG THÀNH	K16KTR2	7		5						5	5.3	Năm phẩy Ba		
78	162233594	ĐOÀN THUƠNG THI	K16KTR2	6		5						5	5.2	Năm phẩy Hai		
79	162233597	NGUYỄN Đ?NH THÔNG	K16KTR2	8		8.5						8.5	8.4	Tám phẩy Bốn		
80	162233602	ĐINH LÝ HOÀI THƯƠNG	K16KTR2	8		9						9	8.9	Tám phẩy Chín		
81	162233604	NGUYỄN PHẠM SƠN THUỶ	K16KTR2	7		7						7	7.0	Bảy		
82	162233608	NGUYỄN NAM TIỀN	K16KTR2	7		7						7	7.0	Bảy		
83	162233609	NGUYỄN VŨ TIỀN	K16KTR2	6		5						5	5.2	Năm phẩy Hai		
84	162233613	LÊ HUY TÍN	K16KTR2	7		6.5						6.5	6.6	Sáu phẩy Sáu		
85	162233619	CAO XUÂN TOÀN	K16KTR2	8		7						7	7.2	Bảy phẩy Hai		
86	162233624	NGUYỄN MINH TRÍ	K16KTR2	6		5						5	5.2	Năm phẩy Hai		
87	162233627	NGUYỄN BẢO TRUNG	K16KTR2	7		6.5						6.5	6.6	Sáu phẩy Sáu		
88	162233634	TRỊNH THANH TÙNG	K16KTR2	7		6						6	6.2	Sáu phẩy Hai		
89	162233639	TRƯƠNG TẤN VINH	K16KTR2	8		8						8	8.0	Tám		
90	162233640	THÁI TRẦN HOÀNG VŨ	K16KTR2	3		2						2	0.0	Không		
91	162236434	TRẦN QUANG TU	K16KTR2	8		7						7	7.2	Bảy phẩy Hai		
92	162236435	NGUYỄN THỊ BẢO YẾN	K16KTR2	7		6.5						6.5	6.6	Sáu phẩy Sáu		
93	162236504	PHẠM VĂN HOÀ	K16KTR2	0		0						HP	0.0	Không	NỢ HP	
94	162236644	CAO ĐẶNG HUYỀN TRANG	K16KTR2	7		6						6	6.2	Sáu phẩy Hai		
95	162237617	PHẠM TIỀN TRUNG	K16KTR2	3		2						2	0.0	Không		
96	162233436	THÁI THỊ ANH	K16KTR3	8		8						6.5	7.2	Bảy phẩy Hai		
97	162233441	PHAN TUẤN ANH	K16KTR3	8		8						6.5	7.2	Bảy phẩy Hai		
98	162233443	NGUYỄN QUỐC BẢO	K16KTR3	5		5						4	4.5	Bốn phẩy Năm		
99	162233446	PHẠM VĂN CHÁT	K16KTR3	9		8						6.5	7.3	Bảy phẩy Ba		
100	162233450	LÊ VĂN CHIẾN	K16KTR3	7		5						4	4.8	Bốn phẩy Tám		
101	162233455	NGUYỄN HOÀNG QUỐC CƯỜNG	K16KTR3	9		7						6	6.8	Sáu phẩy Tám		
102	162233456	V? V ẮN CƯỜNG	K16KTR3	6		7						6	6.3	Sáu phẩy Ba		
103	162233462	PHẠM ĐẠT	K16KTR3	9		6						5.5	6.2	Sáu phẩy Hai		
104	162233465	HOÀNG QUỐC DŨNG	K16KTR3	6		6						5	5.5	Năm phẩy Năm		

STT	M? SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TR?NH HỌC TẬP & KTHP										ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
				15%	0%	30%	0%	0%	0%	0%	0%	55%				
105	162233469	NGÔ THỊ KIỀU	GIANG	K16KTR3	8		7						6	6.6	Sáu phẩy Sáu	
106	162233472	NGÔ	HẢI	K16KTR3	9		5						4	5.1	Năm phẩy Một	
107	162233485	TRẦN MINH	HIỀN	K16KTR3	7		5						4	4.8	Bốn phẩy Tám	
108	162233492	TRẦN VIỆT	HOÀN	K16KTR3	6		5						5	5.2	Năm phẩy Hai	
109	162233498	NGUYỄN HỒNG	HOÀNG	K16KTR3	9		3						2	0.0	Không	
110	162233503	LIU VÂN	HÙNG	K16KTR3	3		3						V	0.0	Không	
111	162233512	PHẠM THỊ	HUYỀN	K16KTR3	9		7						6	6.8	Sáu phẩy Tám	
112	162233515	NGUYỄN Đ?NH	KHOA	K16KTR3	6		7						7	6.9	Sáu phẩy Chín	
113	162233525	NGUYỄN QUANG	LĨNH	K16KTR3	9		6						5	5.9	Năm phẩy Chín	
114	162233529	ĐẶNG HOÀNG	LONG	K16KTR3	8		6						5	5.8	Năm phẩy Tám	
115	162233533	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	LUY	K16KTR3	8		8						7.5	7.7	Bảy phẩy Bảy	
116	162233544	ĐẶNG THỊ KIM	NGA	K16KTR3	9		8						6.5	7.3	Bảy phẩy Ba	
117	162233556	HỒ TUẤN	PHONG	K16KTR3	9		8						7	7.6	Bảy phẩy Sáu	
118	162233561	DƯƠNG PHÚ	PHƯỚC	K16KTR3	7		6						4.5	5.3	Năm phẩy Ba	
119	162233567	HOÀNG TRỌNG	QUANG	K16KTR3	8		7						6	6.6	Sáu phẩy Sáu	
120	162233574	PHẠM NGỌC	SINH	K16KTR3	4		5						3.5	0.0	Không	
121	162233578	NGUYỄN MINH	TÂN	K16KTR3	7.5		7.2						7.8	7.6	Bảy phẩy Sáu	
122	162233581	LÊ HOÀNG VIỆT	THẮNG	K16KTR3	7.5		7.2						7.5	7.4	Bảy phẩy Bốn	
123	162233584	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	THANH	K16KTR3	7.5		7.2						7.2	7.2	Bảy phẩy Hai	
124	162233587	NGÔ VIỆT	THANH	K16KTR3	6		6						7	6.6	Sáu phẩy Sáu	
125	162233589	VŨ ĐỨC	THÀNH	K16KTR3	7.5		6.8						6.6	6.8	Sáu phẩy Tám	
126	162233598	LÊ NGỌC	THU	K16KTR3	7.5		7						7.2	7.2	Bảy phẩy Hai	
127	162233601	HOÀNG THỊ HOÀI	THƯƠNG	K16KTR3	6.2		6						7	6.6	Sáu phẩy Sáu	
128	162233606	PHẠM THỊ LAM	THUYỀN	K16KTR3	7.5		5						5.6	5.7	Năm phẩy Bảy	
129	162233610	NGUYỄN TÀI	TIẾN	K16KTR3	7.5		7.5						8	7.8	Bảy phẩy Tám	
130	162233614	VŨ VĂN	TỈNH	K16KTR3	7.5		7						7.2	7.2	Bảy phẩy Hai	
131	162233617	GIANG VĂN	TOÀN	K16KTR3	4		4						5	4.6	Bốn phẩy Sáu	
132	162233620	HUỲNH THỊ THÙY	TRANG	K16KTR3	7.5		7.5						7.5	7.5	Bảy phẩy Năm	
133	162233628	THÁI LÂM	TRƯỜNG	K16KTR3	7.5		7						7.2	7.2	Bảy phẩy Hai	
134	162233630	NGUYỄN VĨNH	TUẤN	K16KTR3	7.5		7						6.5	6.8	Sáu phẩy Tám	
135	162233644	PHAN BÁ	VƯƠNG	K16KTR3	3		4						5.1	4.5	Bốn phẩy Năm	
136	162236641	DƯƠNG THỊ ÁNH	NGUYỆT	K16KTR3	4		4						5.2	4.7	Bốn phẩy Bảy	
137	162236709	NGÔ THỊ	ANH	K16KTR3	6.5		6						6	6.1	Sáu phẩy Một	
138	162236834	TÔ NGỌC	QUỐC	K16KTR3	7		6						6.2	6.3	Sáu phẩy Ba	
139	162236915	LÊ THỂ	PHƯƠNG	K16KTR3	7.4		7.5						7.5	7.5	Bảy phẩy Năm	

STT	M? SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TR?NH HỌC TẬP & KTHP										ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
				15%	0%	30%	0%	0%	0%	0%	0%	55%				
140	162236916	LÊ XUÂN	THÀNH	K16KTR3	7.4		6.2						5.8	6.2	Sáu phẩy Hai	
141	162237005	TRƯƠNG XUÂN	VINH	K16KTR3	7.5		7.4						7.5	7.5	Bảy phẩy Năm	
142	152233019	NGÔ THỊ	GIANG	K16KTR4	8		6						6.3	6.5	Sáu phẩy Năm	
143	162233439	NGUYỄN ĐỨC	ANH	K16KTR4	6		6.5						7.3	6.9	Sáu phẩy Chín	
144	162233444	PHÙNG QUỐC	BẢO	K16KTR4	8		7						7.2	7.3	Bảy phẩy Ba	
145	162233447	NGUYỄN THỊ MỸ	CHÂU	K16KTR4	9		7.8						8	8.1	Tám phẩy Một	
146	162233451	TRẦN HỮU	CHINH	K16KTR4	6		6.2						6.6	6.4	Sáu phẩy Bốn	
147	162233454	TRẦN VĂN	CUÔNG	K16KTR4	8		6						6.2	6.4	Sáu phẩy Bốn	
148	162233466	NGUYỄN THỊ HUƠNG	DƯƠNG	K16KTR4	8		7						7.6	7.5	Bảy phẩy Năm	
149	162233470	NGUYỄN	GIÀU	K16KTR4	10		6						6.5	6.9	Sáu phẩy Chín	
150	162233474	PHẠM THANH	HẢI	K16KTR4	8		6.5						6.5	6.7	Sáu phẩy Bảy	
151	162233475	ĐỖ VĂN	HẢI	K16KTR4	9		7						7.7	7.7	Bảy phẩy Bảy	
152	162233491	NGUYỄN VĂN	HIẾU	K16KTR4	5		4						V	0.0	Không	
153	162233501	CAO MẠNH	HÙNG	K16KTR4	6		7						7	6.9	Sáu phẩy Chín	
154	162233505	NGUYỄN KHÁNH	HƯNG	K16KTR4	9		6.5						6.7	7.0	Bảy	
155	162233526	LÊ VĂN	LỘC	K16KTR4	7		5						4	4.8	Bốn phẩy Tám	
156	162233541	NGUYỄN LÊ	NA	K16KTR4	10		8						7.7	8.1	Tám phẩy Một	
157	162233545	LÊ MỸ	NGÂN	K16KTR4	7		7						6.8	6.9	Sáu phẩy Chín	
158	162233549	TRẦN ĐỖ ÁNH	NGỌC	K16KTR4	9		9						9	9.0	Chín	
159	162233553	HỒ VĂN	NHÀN	K16KTR4	7		6						6	6.2	Sáu phẩy Hai	
160	162233557	PHẠM CHÂU	PHONG	K16KTR4	8.5		5.6						6	6.3	Sáu phẩy Ba	
161	162233560	THIỀU QUANG	PHƯỚC	K16KTR4	7		5						5	5.3	Năm phẩy Ba	
162	162233565	NGUYỄN NGỌC NHẬT	PHƯƠNG	K16KTR4	8.5		7.5						7.3	7.5	Bảy phẩy Năm	
163	162233568	NGÔ Đ?NH	QUẾ	K16KTR4	9		7						7.2	7.4	Bảy phẩy Bốn	
164	162233580	V? ĐỨC	THẮNG	K16KTR4	7		7.8						7	7.2	Bảy phẩy Hai	
165	162233583	TRẦN PHƯỚC	THANH	K16KTR4	10		7.8						7.4	7.9	Bảy phẩy Chín	
166	162233588	NGUYỄN VIỆT	THÀNH	K16KTR4	8		7						6	6.6	Sáu phẩy Sáu	
167	162233592	NGUYỄN QUỐC	THẠNH	K16KTR4	6		6						6	6.0	Sáu	
168	162233603	PHẠM THƯƠNG	THƯƠNG	K16KTR4	7		6						6	6.2	Sáu phẩy Hai	
169	162233607	TRẦN THỦY	TIỀN	K16KTR4	7		6						6	6.2	Sáu phẩy Hai	
170	162233611	TRẦN NGỌC	TIỀN	K16KTR4	8		7						7	7.2	Bảy phẩy Hai	
171	162233615	LÊ THANH	TỊNH	K16KTR4	9		7						8	7.9	Bảy phẩy Chín	
172	162233621	NGUYỄN THẾ BÍCH	TRANG	K16KTR4	8		9						9	8.9	Tám phẩy Chín	
173	162233629	TRẦN CÔNG	TRƯỜNG	K16KTR4	8		7						7	7.2	Bảy phẩy Hai	
174	162233632	NGUYỄN THANH	TUẤN	K16KTR4	8		7						8	7.7	Bảy phẩy Bảy	

STT	M? SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TR?NH HỌC TẬP & KTHP										ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
				15%	0%	30%	0%	0%	0%	0%	0%	55%				
175	162233637	HOÀNG ANH	VIỆT	K16KTR4	7		6						6	6.2	Sáu phẩy Hai	
176	162233641	LÊ MINH	VŨ	K16KTR4	7		7						7	7.0	Bảy	
177	162233643	V? Đ?NH	VUÔNG	K16KTR4	6		6						6	6.0	Sáu	
178	162236506	NGUYỄN VĂN	MẠNH	K16KTR4	9		6						5	5.9	Năm phẩy Chín	
179	162236639	NGUYỄN QUANG	HIẾU	K16KTR4	8		7						8	7.7	Bảy phẩy Bảy	
180	162236835	NGUYỄN CHÍ DUY	THÀNH	K16KTR4	8		6						6	6.3	Sáu phẩy Ba	
181	162237421	LÊ XUÂN	QUYỀN	K16KTR4	8		7						7	7.2	Bảy phẩy Hai	
182	122230571	LÊ VIỆT	HÙNG	K16KTR5	5		5						V	0.0	Không	
183	142231381	HỒ TRẦN	DANH	K16KTR5	6		6						6	6.0	Sáu	
184	152232914	NGÔ	TIN	K16KTR5	9		7.5						6	6.9	Sáu phẩy Chín	
185	152232918	CẦN NGUYỄN MẠNH	CƯỜNG	K16KTR5	8		6.5						4.5	5.6	Năm phẩy Sáu	
186	152232947	PHẠM VĂN THÀNH	ĐẠT	K16KTR5	5		5						3	0.0	Không	
187	152232965	TRỊNH NGỌC HUY	TOÀN	K16KTR5	7		6						4.5	5.3	Năm phẩy Ba	
188	152233015	NGUYỄN ĐĂNG	NHẬT	K16KTR5	5		2						HP	0.0	Không	NỢ HP
189	152233021	TRỊNH HOÀNG	GIANG	K16KTR5	3		2						V	0.0	Không	
190	152233027	LÊ VĂN	THIÊN	K16KTR5	6		7						5.5	6.0	Sáu	
191	152233060	PHAN TÂN PHÚ	QUỐC	K16KTR5	6		7						6.5	6.6	Sáu phẩy Sáu	
192	162233435	V? NG ỌC QUỲNH	ANH	K16KTR5	9		8.5						7.5	8.0	Tám	
193	162233453	ĐỖ MẠNH	CƯỜNG	K16KTR5	9		8						7.5	7.9	Bảy phẩy Chín	
194	162233457	V? BÁ	DANH	K16KTR5	7		6						4	5.1	Năm phẩy Một	
195	162233459	V? TI ẾN	ĐẠT	K16KTR5	7		6.5						4	5.2	Năm phẩy Hai	
196	162233460	LƯƠNG TÂN	ĐẠT	K16KTR5	7		6						3	0.0	Không	
197	162233476	PHAN QUỐC	HÂN	K16KTR5	9		9.5						8.5	8.9	Tám phẩy Chín	
198	162233478	NGUYỄN	H?NG	K16KTR5	9		7.5						6	6.9	Sáu phẩy Chín	
199	162233482	NGUYỄN NHẬT	HẬU	K16KTR5	10		7						6	6.9	Sáu phẩy Chín	
200	162233488	NGÔ VĂN	HIẾU	K16KTR5	5		5						2	0.0	Không	
201	162233493	ĐẶNG MINH	HOÀNG	K16KTR5	9		8						7.5	7.9	Bảy phẩy Chín	
202	162233495	NGUYỄN TRI BẢO	HOÀNG	K16KTR5	8		8.5						8.5	8.4	Tám phẩy Bốn	
203	162233500	V? TH Ị	HUỆ	K16KTR5	9		9						7	7.9	Bảy phẩy Chín	
204	162233507	NGÔ VĂN	HUY	K16KTR5	8		5.5						5	5.6	Năm phẩy Sáu	
205	162233508	TRẦN KIM	HUY	K16KTR5	7		5						4	4.8	Bốn phẩy Tám	
206	162233514	NGÔ THÁI QUỐC	KHÁNH	K16KTR5	7		6						4	5.1	Năm phẩy Một	
207	162233516	BÙI QUANG	KHOA	K16KTR5	9		9						8	8.5	Tám phẩy Năm	
208	162233517	LƯU TÔNG ĐĂNG	KHOA	K16KTR5	9		7.5						6	6.9	Sáu phẩy Chín	
209	162233518	TRẦN PHƯỚC	KỶ	K16KTR5	9		6.5						6	6.6	Sáu phẩy Sáu	

STT	M? SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TR?NH HỌC TẬP & KTHP										ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
				15%	0%	30%	0%	0%	0%	0%	0%	55%				
210	162233519	TRƯỜNG VĂN	LÂM	K16KTR5	5		2						V	0.0	Không	
211	162233522	TRẦN VIỆT	LIÊM	K16KTR5	9		7.5						6	6.9	Sáu phẩy Chín	
212	162233524	LÊ NHẤT	LINH	K16KTR5	10		7						5	6.4	Sáu phẩy Bốn	
213	162233532	V? GIA	LUU	K16KTR5	9		7						5	6.2	Sáu phẩy Hai	
214	162233539	NGUYỄN TÂN	MỸ	K16KTR5	10		7						6	6.9	Sáu phẩy Chín	
215	162233599	NGUYỄN THỊ	THUẬN	K16KTR5	10		7						7	7.5	Bảy phẩy Năm	
216	162233622	PHẠM QUỐC	TRÍ	K16KTR5	10		9						7	8.1	Tám phẩy Một	
217	162233623	NGUYỄN QUANG	TRÍ	K16KTR5	10		9						6	7.5	Bảy phẩy Năm	
218	162233645	V? KHÁNH	VY	K16KTR5	10		7						5	6.4	Sáu phẩy Bốn	
219	162236642	NGUYỄN THỊ THANH	THUỠ	K16KTR5	10		8						7	7.8	Bảy phẩy Tám	
220	162237347	HỒ THỊ MINH	PHU?NG	K16KTR5	9		9						8	8.5	Tám phẩy Năm	
221	142231436	BÙI CHÍ	THANH	K16KTR6	6		6.5						6	6.2	Sáu phẩy Hai	
1	132234921	HOÀNG ĐỨC	T?NH	K13KTR3	7		6						7	6.7	Sáu phẩy Bảy	17576/352

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU

STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SỐ	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	206	93%	
2	Số sinh viên nợ	16	7%	
TỔNG CỘNG :		222	100%	

Đà Nẵng, 17/11/2011

NGƯỜI LẬP

NGƯỜI KIỂM TRA

L?NH ĐẠO KHOA

PH?NG ĐÀO TẠO ĐH & SAU ĐH

(K? và ghi r? họ tên)

(K? và ghi r? họ tên)

V? QU ỐC TOÀN

TRẦN THỊ LAN ANH

VUU HỮU THANH

ThS. NGUYỄN HỮU PHÚ